

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TP. BUÔN MA THUẬT
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số:197/2017/HNGĐ-ST

Ngày 05-12-2017

“V/v: Ly hôn giữa
bà T và ông K”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TP. BUÔN MA THUẬT, TỈNH ĐẮK LẮK**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phạm Văn Đoàn.

- *Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Nguyễn Tiến Dũng;

2. Bà Nguyễn Thị Hồng Lâm.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Bùi Văn Cảnh- Là Thư ký Tòa án nhân dân TP. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Ngày 05/12/2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 964/2017/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 10 năm 2017 về tranh chấp: “*Ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 204/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 11 năm 2017, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Thu T, sinh năm 1966; Địa chỉ: phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, (*Có mặt*).

2. *Bị đơn:* Ông Phạm Ngọc K, sinh năm 1966; Địa chỉ: xã C, huyện V, tỉnh Bình Định, (*Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện ngày 05/9/2017, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà Nguyễn Thị Thu T trình bày:*

Về hôn nhân: Bà Phạm Thị Thu T và ông Phạm Ngọc K tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk ngày 15/7/1992.

Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc đến đầu năm 1995 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu là do sau khi kết hôn mỗi người sống một nơi, ông K sống ở tỉnh Bình Định, còn bà T sống ở Đắk Lắk nên vợ chồng không có sự quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Sau đó, thì mâu thuẫn vợ chồng phát sinh càng thẳng và vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Nay bà T, ông K xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông bà được ly hôn.

Về con chung: Bà T và ông K có 01 con chung là Phạm Nguyễn Ngọc T, sinh ngày 10/10/1993 đã trưởng thành, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không đặt ra yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại biên bản lấy lời khai ngày 02/11/2017, ông Phạm Ngọc K trình bày:*

Về hôn nhân: Ông K và bà Phạm Thị Thu T tự nguyện kết hôn và có đăng K kết hôn tại UBND phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk ngày 15/7/1992.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 03 năm đầu, đến năm 1995 thì ông K bị tai nạn và vợ chồng mỗi người sống một nơi, ông K sống ở tỉnh Bình Định còn bà T sống ở tỉnh Đắk Lắk, vợ chồng không thường xuyên gặp nhau nên tình cảm vợ chồng không còn và đề nghị Tòa án nhân dân thành phố B giải quyết cho ông bà được ly hôn. Đồng thời ông K có đơn thỏa thuận lựa chọn Tòa án nhân dân thành phố B để giải quyết vụ án.

Về con chung: Ông K và bà T có 01 con chung là Phạm Nguyễn Ngọc T, sinh ngày 10/10/1993 đã đủ tuổi trưởng thành, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không đặt ra yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật: Đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân gia đình, các đương sự có văn bản thỏa thuận lựa chọn Tòa án nơi cư trú của nguyên đơn giải quyết. Do vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm b khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2]. Về tố tụng: Ông Phạm Ngọc K là bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, nhưng ông K có đơn yêu cầu Tòa án xin vắng mặt khi Tòa án tiến hành hòa giải và xét xử vụ án. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3]. Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa bà Phạm Thị Thu T và ông Phạm Ngọc K là tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk ngày 15/7/1992. Đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận.

Xét về tình trạng hôn nhân của ông K và bà T, qua lời trình bày của bà T và tại biên bản lấy lời khai của ông K, xác định với chồng chung sống không hạnh phúc. Nguyên nhân chủ yếu là do vợ chồng sau kết hôn mỗi người sống một nơi, ông K sống ở tỉnh Bình Định, còn bà T sống ở tỉnh Đắk Lắk nên vợ chồng không có sự quan tâm chăm sóc nhau. Đến năm 1995 thì mâu thuẫn vợ chồng phát sinh căng thẳng và sống ly thân từ đó cho đến nay. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, cuộc sống chung vợ chồng không thể kéo dài và mục đích hôn nhân không đạt được. Tại phiên tòa bà T xác định tình cảm giữa bà và ông K không còn, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc và yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông bà được ly hôn. Căn cứ vào Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử nên cần công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà T và ông K.

[4]. Về con cái: Ông K và bà T có 01 con chung là Phạm Nguyễn Ngọc T, sinh ngày 10/10/1993 đã đủ tuổi trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5]. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6]. Về án phí: Nguyên đơn bà Phạm Thị Thu T phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 220, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ vào Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội “Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án về mức thu án phí, lệ phí Tòa án”.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Phạm Thị Thu T và ông Phạm Ngọc K.

2. Về án phí: Bà Phạm Thị Thu T phải chịu 300.000đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) mà bà T đã nộp theo biên lai số AA/2017/0000450 ngày 20/9/2017. Bà T đã nộp xong tiền án phí.

3. Thông báo quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- P. Kiểm tra- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND TP.B;
- CC THADS TP.B;
- UBND Phường T, Tp.B, tỉnh Đắk Lắk;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Phạm Văn Đoàn